Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 8533.10.90

Mã HS	8533.10.90
Mô tả hàng hóa	Điện trở (kể cả biến trở và chiết áp), trừ điện trở nung nóng / - Điện trở than cố định, dạng kết hợp hoặc dạng màng: / - - Loại khác
Đơn vị	kg/chiếc
Thời điểm tạo	03/11/2026 16:35:52
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/85331090/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K15731
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N15731
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q15731
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VN-EAEU	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E15064
ATIGA	2022	2022	0	AT!E14996
ATIGA	2023	2023	0	AT!F14996
ATIGA	2024	2024	0	AT!G14996
ATIGA	2025	2025	0	AT!H14996
ATIGA	2026	2026	0	AT!I14996
ATIGA	2027	2027	0	AT!J14996
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E15050
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F15050
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G15050

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H15050
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I15050
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J15050
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E15051
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F15051
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G15051
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H15051
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I15051
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J15051
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F15054
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H15002
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F15010
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G15010
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H15010
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I15010
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J15010
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K15010
VKFTA	2022	2022	0	VK!E15050
VKFTA	2023	2023	0	VK!F15050
VKFTA	2024	2024	0	VK!G15050
VKFTA	2025	2025	0	VK!H15050
VKFTA	2026	2026	0	VK!I15050
VKFTA	2027	2027	0	VK!J15050
VCFTA	2022	2022	0	VC!D15105
VCFTA	2023	2023	0	VC!E15105
VCFTA	2024	2024	0	VC!F15105

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2025	2025	0	VC!G15105
VCFTA	2026	2026	0	VC!H15105
VCFTA	2027	2027	0	VC!I15105
VN-EAEU	2022	2022	*	EAV!D15084
VN-EAEU	2023	2023	*	EAV!E15084
VN-EAEU	2024	2024	*	EAV!F15084
VN-EAEU	2025	2025	*	EAV!G15084
VN-EAEU	2026	2026	*	EAV!H15084
VN-EAEU	2027	2027	*	EAV!I15084
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D15082
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E15082
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F15082
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G15082
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H15082
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I15082
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D15088
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E15088
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F15088
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G15088
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H15088
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I15088
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D15087
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E15087
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F15087
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G15087
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H15087

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I15087
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D15080
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E15080
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F15080
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G15080
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H15080
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I15080
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J15080
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D15075
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E15075
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F15075
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G15075
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H15075
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I15075
RCEP B	2022	2022	0	B!D15075
RCEP B	2023	2023	0	B!E15075
RCEP B	2024	2024	0	B!F15075
RCEP B	2025	2025	0	B!G15075
RCEP B	2026	2026	0	B!H15075
RCEP B	2027	2027	0	B!I15075
RCEP C	2022	2022	0	C!D15075
RCEP C	2023	2023	0	C!E15075
RCEP C	2024	2024	0	C!F15075
RCEP C	2025	2025	0	C!G15075
RCEP C	2026	2026	0	C!H15075
RCEP C	2027	2027	0	C!I15075

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2022	2022	0	D!D15074
RCEP D	2023	2023	0	D!E15074
RCEP D	2024	2024	0	D!F15074
RCEP D	2025	2025	0	D!G15074
RCEP D	2026	2026	0	D!H15074
RCEP D	2027	2027	0	D!I15074
RCEP E	2022	2022	0	E!D15078
RCEP E	2023	2023	0	E!E15078
RCEP E	2024	2024	0	E!F15078
RCEP E	2025	2025	0	E!G15078
RCEP E	2026	2026	0	E!H15078
RCEP E	2027	2027	0	E!I15078
RCEP F	2022	2022	0	F!D15075
RCEP F	2023	2023	0	F!E15075
RCEP F	2024	2024	0	F!F15075
RCEP F	2025	2025	0	F!G15075
RCEP F	2026	2026	0	F!H15075
RCEP F	2027	2027	0	F!I15075
VIFTA	2024	2024	0	VI!F14045
VIFTA	2025	2025	0	VI!G14045
VIFTA	2026	2026	0	VI!H14045
VIFTA	2027	2027	0	VI!I14045

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 8533.10 có 2 dòng thuế; dòng 8533.10.90 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Loại khác.	8533.10 Điện trở dán	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 8533.10.90. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 8533.10.90 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N15731), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.